Thông số LGK12150

Điện áp danh định	12V
Dung lượng danh định	
Chế độ 10h (15A to 1.80V)	150Ah
Chế độ 5h (26A to 1.80V)	130Ah
Chế độ 3h (39A to 1.80V)	117Ah
Chế độ 1h (88A to 1.80V)	88Ah
Trọng lượng:	~46.5kg/102.5Lbs
Nội trở	~4.5mΩ
Dòng phóng lớn nhất	
5 giây:	1500A
Phương pháp sạc ở 25°C(77°F)	
Nạp chu kì	
Điện áp sạc	14.4 đến 14.7V
Hệ số bù nhiệt	-4.0mV/°C/hộc
Dòng điện sạc lớn nhất	37.5A
Nạp nổi	13.5 đến 13.8V
Hệ số bù nhiệt	-3.0mV/°C/hộc
Tuổi thọ thiết kế	≥12 năm
Dải nhiệt độ hoạt động	
Nạp	-15°C(5°F) đến 40°C(104°F)
Phóng	-15°C(5°F) đến 60°C(140°F)
Lưu kho	-15°C(5°F) đến 40°C(104°F)
Độ tự phóng điện (khi lưu kho) ở 20°C(68°F)	
1 tháng	97%
3 tháng	94%
6 tháng	85%
Độ sâu phóng điện:	
≥1300 lần tại 30% DOD	
≥500 lần tại 50% DOD	
≥250 lần tại 100% DOD	
Chất liệu vỏ	ABS UL94 HB
Đáp ứng tiêu chuẩn	UL94V-0
Lực vặn ốc kiến nghị	M8: 7N-m(71kgf-cm)
Lực vặn ốc tối đa	M8: 9N-m(92kgf-cm)

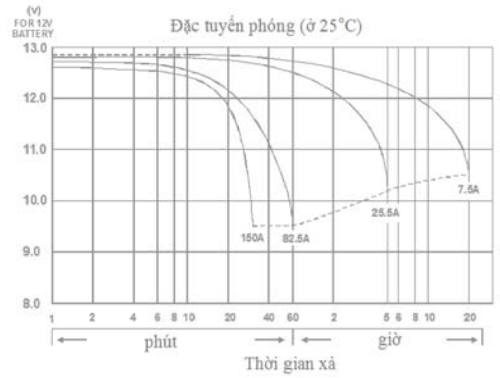

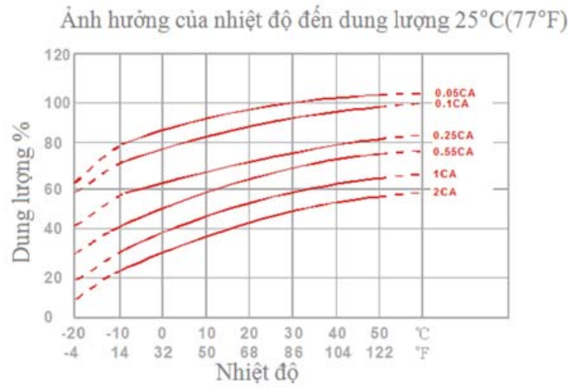

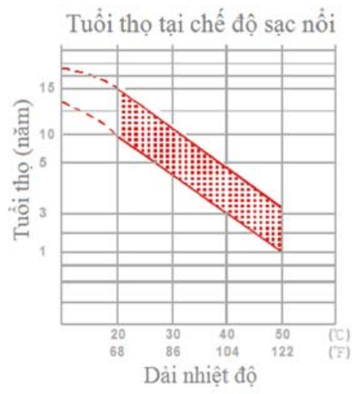

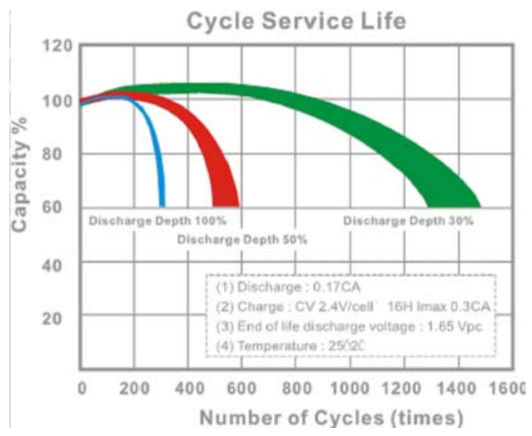

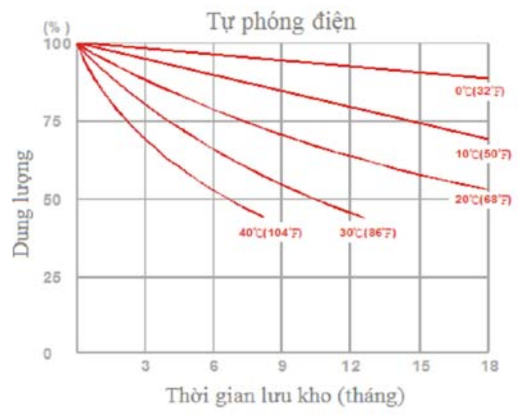

mm(inch)

11.

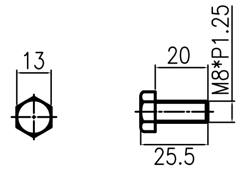

12.

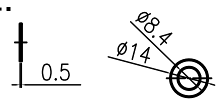

13.

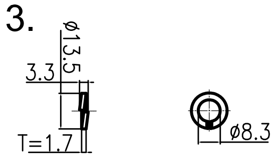

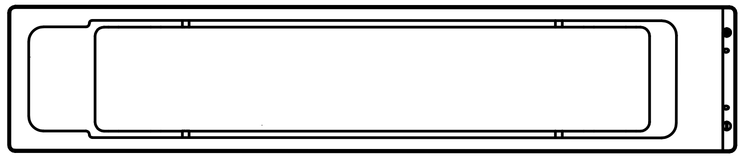

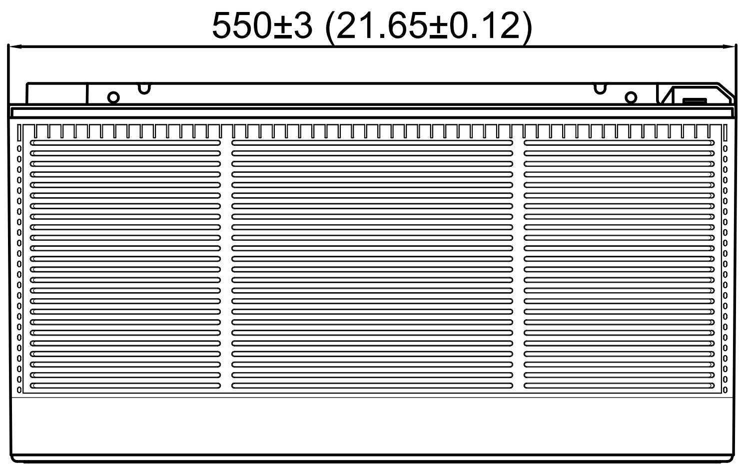

CẤU TẠO

STT.	TÊN	CHẤT LIỆU	SL	GHI CHÚ
1	Vỏ	ABS	1	Đen
2	Nắp	ABS	1	Đen
3	Nắp trên	ABS	1	Đen
4	Bản cực dương	Hợp kim Pb-Ca-Sn	42	
5	Bản cực âm	Hợp kim Pb-Ca-Sn	48	
6	Giấy cách	AGM	42	
7	Đầu chì	Pb	5	
8	Đầu cực	Hợp kim Pb-Cu	2	
9	Vòng ron	Cao su	2	
10	Van	Cao su	6	
11	Bu lông	Inox304	2	
12	Long đền	Inox304	2	
13	Long đền vênh	Inox304	2	
14	Chất điện phân	Gel axit	1	

REV.	NO.	CONTENTS MODIFIED	MODIFIER	DATE
01				

TOLERANCE 1		TOLERANCE 2	
DIMENSION	DEGREE	DIMENSION	DEGREE
0−4	±0.05	0−5	±0.1
4−16	±0.07	5−30	±0.3
16−63	±0.1	30−200	±0.5
63−250	±0.2	200−500	±0.8
250−1000	±0.3	500−1000	±1
1000−1500	±0.5		

APPROVER		Date	
AUDITOR		Date	
DESIGNER		Date	
DRAWER	DUYKHANG	Date	28.06.2017

☒KUNG LONG ☒ LE LONG

CODE	
NAME	KẾT CẤU BÌNH
TYPE	LGK12150
SCALE	FIT
THICK	
UNIT	mm